TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày : 26/4/2018
V/v: "Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Gia.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Hùng.

2. Ông Nguyễn Ký.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bạch Văn Trinh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 35/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018 về việc *"Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐST – HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Xuân M**, sinh năm: 1947.

Trú tại: khu phố T, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên.

2. Bị đơn: **Lê Thị Lý**, sinh năm: 1948.

Trú tại: khu phố T, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2018 và quá trình tố tụng nguyên đơn Nguyễn Xuân M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bị đơn Lê Thị L sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1967 đến nay, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến khoảng năm 2008 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, cả hai sống ly thân với

nhau từ đó đến nay. Tôi yêu cầu Toà án xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và bị đơn L.

Về con chung: Có 04 con chung: Nguyễn Xuân Ngh, sinh năm: 1971; Nguyễn Thị T, sinh năm: 1973; Nguyễn Thị Kim Ch, sinh năm: 1978 và Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1979. Tất cả các con chung đều đã trưởng thành, lập gia đình riêng, nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Lê Thị L trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản, nợ chung: Tôi thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn. Tôi chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn. Ngoài ra, không có yêu cầu hay phản tố gì khác.

Tại phiên tòa: Các bên đương sự giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 28, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về Thi hành Luật hôn nhân và gia đình của Quốc hội. Đây là quan hệ *"Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Lời trình bày của hai bên đương sự về việc các bên sống với nhau từ năm 1967 không có đăng ký kết hôn là phù hợp nội dung tại Giấy xin xác nhận kết hôn ngày 02/3/2018 của Ủy ban nhân dân xã Th, huyện N, tỉnh Thanh Hóa: *"Qua tra cứu từ năm 1997 trở về trước do thiên tai nên hồ sơ lưu không còn lưu tại UBND xã. Từ năm 1998 đến nay qua tra cứu không có hồ sơ đăng ký kết hôn của ông Nguyễn Xuân M và bà Lê Thị L"*.

Tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"... Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng"*.

Như vậy, có căn cứ để khẳng định nguyên đơn và bị đơn sống chung với nhau từ năm 1967, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình; Việc chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn không phải là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Tất cả 04 con chung của nguyên đơn và bị đơn đều đã trưởng thành, lập gia đình riêng, hai bên đương sự và cả 04 người con chung không có yêu cầu gì, nên HĐXX không xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; Buộc nguyên đơn Nguyễn Xuân M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn Nguyễn Xuân M với bị đơn Lê Thị L.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; Buộc nguyên đơn Nguyễn Xuân M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, đã nộp đủ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009263 ngày 11/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Phú Yên.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên (01);
- VKSND huyện S (02);
- THADS huyện S (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Cao Gia